

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 005/VCF/2018**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("VCF")

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 383 6554

Fax: (0251) 383 6108

Mã số doanh nghiệp: 3600261626

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 00265/2017/ATTP-CNĐK - Ngày Cấp: 31/3/2017 - Nơi cấp: Cục An toàn Thực phẩm – Bộ Y Tế

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG – NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY KACHI**

**2. Thành phần:**

Vảy ngũ cốc 33 % (bột mì, glucose syrup, bột đậu nành, chiết xuất mầm lúa mạch, đường, tinh bột bắp, dextrose, bột gạo, bột nếp, fructose syrup, muối, tinh bột biến tính (1414)), đường, bột kem thực vật (glucose syrup, dầu thực vật, chiết xuất mầm lúa mạch, protein sữa, chất ổn định (340ii, 452i), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông vón (551)), hỗn hợp canxi và khoáng chất từ sữa 1,8 %.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** Sử dụng tốt nhất trước: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao bì màng ghép phức hợp.
- Sản phẩm được đóng gói theo quy cách: 20 gói x 25 g trong bịch bao bì màng ghép phức hợp.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



Handwritten signature or mark in blue ink.

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm** (đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc.
2. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bao gồm sản phẩm ngũ cốc đã qua chế biến.
3. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y Tế dành cho nhóm sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu đỗ: bánh, bột (dùng trực tiếp không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng)
4. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hòa, ngày 19 tháng 9 năm 2018

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN TÂN KỶ**



Bản tự công bố này được đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

2



**Phụ lục**  
**DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ**

Đính kèm bản tự công bố số 005/VCF/2018



<b>CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA</b>	<b>NHÓM SẢN PHẨM NGŨ CỐC</b>	<b>Số TCCS 05:2018/BH106</b>
	<b>THỰC PHẨM BỔ SUNG – NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY KACHI</b>	Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

**1. Các chỉ tiêu cảm quan:**

- Trạng thái: dạng bột, có vảy cốm trong sản phẩm.
- Màu sắc: màu trắng có các vảy màu vàng nhạt.
- Mùi: thơm sữa quỳện ngũ cốc dịu.
- Vị: ngọt béo hài hòa, thơm sữa quỳện ngũ cốc.

**2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Mức đáp ứng trên khẩu phần ăn
1	Hàm lượng ẩm	% khối lượng	≤ 5,0	
2	Năng lượng	kcal/100 g	≥ 311,6 kcal	
3	Hàm lượng protein	g/100 g	3,2 - 6,0	
4	Hàm lượng béo	g/100 g	8,8 – 16,3	
5	Hàm lượng carbohydrate	g/100 g	≥ 54,9	
6	Hàm lượng xơ tiêu hóa	g/100 g	2,2 – 4,0	
7	Hàm lượng canxi	mg/100 g	280,0 – 520,0	14,0 – 43,3 % (tính trên 50 g)
8	Hàm lượng photpho	mg/100g	250,0 – 516,0	10,0 – 51,6 % (tính trên 50 g)

- 3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:** theo Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y Tế dành cho nhóm sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu đỗ: bánh, bột (dùng trực tiếp không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng):

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



*Handwritten signature or initials.*

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 <sup>2</sup>
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 <sup>4</sup>
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10
		hoặc MPN/g	3
4	Coliforms	CFU/g	10
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10
6	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
7	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10

4. **Hàm lượng kim loại nặng:** theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0,2
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	0,1

5. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc, bao gồm cả những sản phẩm đã qua chế biến; sản phẩm ngũ cốc đã qua xử lý, ngũ cốc làm dùng thực phẩm; ngũ cốc dùng để ăn, bột ngũ cốc.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Hàm lượng aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Hàm lượng ochratoxin A	µg/kg	3
4	Hàm lượng deoxynivalenon	µg/kg	750
5	Hàm lượng zearalenone	µg/kg	75

## 6. Mức đáp ứng RNI

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

2016  
 NG TY  
 PHÂN  
 A CAI  
 NHÒ  
 A-T-E

*(Handwritten signature)*



TT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố /100 g	Lượng tiêu thụ khi dùng 2 gói sản phẩm	Mức đáp ứng RNI (*), %																		
				Trẻ nhỏ, tuổi		Nam vị thành niên, tuổi			Nam trưởng thành, tuổi		Nữ vị thành niên, tuổi			Nữ trưởng thành niên, tuổi		Phụ nữ mang thai			Bà mẹ cho con bú (trong suốt thời kỳ cho con bú)			
1	Canxi	280,0 – 520,0	140,0– 260,0	4-6	7-9	10-12	13-15	16-18	19-49	50-60	>60	10-12	13-15	16-18	19-49	50-60	>60	3 tháng đầu	3 tháng giữa	3 tháng cuối	6 tháng đầu	6 tháng sau
				23,3 – 43,3	20– 37,1	14,0–26,0			20,0 – 37,1	14,0–26,0			20,0 – 37,1	14,0–26,0			14,0–26,0			14,0–26,0		
2	Photpho	250,0 – 516,0	125,0– 258,0	25,0–51,6		10,0–20,6			17,9–36,9			10,0–20,6			17,9–36,9			17,9–36,9			17,9–36,9	

$$\text{Lượng tiêu thụ khi dùng 2 gói sản phẩm} = \frac{\text{Mức công bố} \times 50}{100}$$

$$\text{Mức đáp ứng RNI} = \frac{\text{Lượng tiêu thụ khi dùng 2 gói sản phẩm} \times 100}{\text{Lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam}}$$

Khối lượng tịnh mỗi gói: 25 g

(\* ) Mức đáp ứng RNI: tính toán trên 2 gói sản phẩm cho các nhóm đối tượng theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014.

Bản tư công bố này được đăng tải tại website: [www.vinacafebienva.com](http://www.vinacafebienva.com)  
 Bản tư công bố này là tài sản của Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

2





Số: 006385 /VYTCC



006385

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VINACAFÉ  
BIÊN HÒA

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05683.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA  
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, P. AN BÌNH, TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM  
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG - NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY KACHI  
Ngày lấy mẫu : 04/04/2018  
Lượng mẫu : 10 gói x 25 g  
Ngày nhận mẫu : 04/04/2018  
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm  
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Độ ẩm	AOAC 950.46 - 2012 (a)	1,48 g/100g	05/04/2018
2	Carbohydrate	AOAC 986.25 - 2012	78,43 g/100g	11/04/2018
3	Lipid	AOAC 989.05 - 2012	12,46 g/100g	06/04/2018
4	Protein	AOAC 991.20 - 2012 (b)	4,60 g/100g	05/04/2018
5	Năng lượng	KNCL và TTVSATTP	444,26 kcal/100g	12/04/2018
6	Xơ tiêu hóa	AOAC 991.43 - 2012	3,08 g/100g	10/04/2018

#### Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu còn nguyên bao bì của nhà sản xuất. NSX: 01/03/2018. HSD: 12 tháng kể từ NSX.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP  
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 07354.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA  
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, P. AN BÌNH, TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM  
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG - NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY KACHI  
Ngày lấy mẫu : 24/04/2018  
Lượng mẫu : 10 gói x 25 g  
Ngày nhận mẫu : 26/04/2018  
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm  
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân  
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Phốtpho - Phosphorus (P)	HD.PP.37/TT.AAS (a)	409 mg/100g	28/04/2018
2	Calci (Ca)	HD.PP.02/TT.AAS-Ref. AOAC 975.03 - 2010	400 mg/100 g	01/05/2018

#### Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu còn nguyên bao bì của nhà sản xuất. NSX: 01/03/2018. HSD: 12 tháng kể từ NSX.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP  
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ths. Bs Phạm Kim Anh





Số: **006381** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05687.18



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA  
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, P. AN BÌNH, TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM  
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG - NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY KACHI  
Ngày lấy mẫu : 04/04/2018  
Lượng mẫu : 05 gói x 25 g  
Ngày nhận mẫu : 04/04/2018  
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm  
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân  
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	0,065 mg/kg	06/04/2018
2	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	0,088 mg/kg	06/04/2018

#### Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu còn nguyên bao bì của nhà sản xuất. NSX: 01/03/2018. HSD: 12 tháng kể từ NSX.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP  
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2018



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính



KT3-05432ATP8

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

23/05/2018

Page 01/02

1. Tên mẫu  
*Name of sample* : **THỰC PHẨM BỔ SUNG – NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY KACHI**
2. Mô tả mẫu  
*Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*  
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.  
*As received sample is intact package and label.*
3. Số lượng mẫu  
*Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu  
*Date of receiving* : 16/05/2018
5. Thời gian thử nghiệm  
*Testing duration* : 17/05/2018 – 23/05/2018
6. Nơi gửi mẫu  
*Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**  
**KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**
7. Kết quả thử nghiệm  
*Test results* : Xem trang / *See page 02/02*

**P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM**  
**DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB**



**Nguyễn Hữu Tín**

**TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR**  
**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/**  
**HEAD OF TESTING LAB.**



**Phan Thành Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*  
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3. / *This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.*  
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample and customer are written as customer's request.*  
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với  $k = 2$ , mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.  
*Estimated expanded uncertainty of measurement with  $k = 2$ , at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.*

N/A: không áp dụng.  
*Not applicable*

7. Kết quả thử nghiệm :  
Test results



Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng aflatoxin B1, $\mu\text{g}/\text{kg}$ <i>Aflatoxin B1 content</i>	AOAC 2016 (991.31)	0,24	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng aflatoxin tổng (B1 + B2 + G1 + G2), $\mu\text{g}/\text{kg}$ <i>Total aflatoxin content</i>	AOAC 2016 (991.31)	0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng ochratoxin A, $\mu\text{g}/\text{kg}$ <i>Ochratoxin A content</i>	AOAC 2016 (2000.03)	0,3	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.4. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), $\mu\text{g}/\text{kg}$ <i>Deoxynivalenol content</i>	QTTN/KT3 089 : 2014 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.5. Hàm lượng zearalenone, $\mu\text{g}/\text{kg}$ <i>Zearalenone content</i>	TCVN 9591 : 2013	15	Không phát hiện <i>Not detected</i>

*tu*

# QUATEST 3<sup>®</sup>

Số: **006382** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05686.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA  
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, P. AN BÌNH, TP.BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM  
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG - NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY KACHI  
Ngày lấy mẫu : 04/04/2018  
Lượng mẫu : 10 gói x 25 g  
Ngày nhận mẫu : 04/04/2018  
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm  
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân  
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 - 2016 (b)	< 10 CFU /g	06/04/2018
2	Coliforms	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007) (a)	< 10 CFU /g	06/04/2018
3	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 991.14 - 2016, TCVN 9975:2013 (b)	< 10 CFU /g	06/04/2018
4	<i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31 - 2016 (b)	< 10 CFU /g	06/04/2018
5	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30 - 2016 (b)	< 10 CFU /g	06/04/2018
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 - 2016 (b)	< 10 CFU /g	06/04/2018
7	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (b)	< 10 CFU /g	06/04/2018



# KaChi

## NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY



**Công dụng:** bổ sung dinh dưỡng, canxi, photpho từ sữa.  
**Đối tượng sử dụng:** Phù hợp với người lớn và trẻ em từ 3 tuổi trở lên

**Liều dùng khuyến nghị:** Sử dụng từ 2 gói/ngày để bổ sung Canxi cho gia đình. Trẻ em dùng tối đa 2 gói/ngày

**Thành phần:**

Vây ngũ cốc 33% (bột mì), glucose syrup, bột đậu nành, chiết xuất mầm lúa mạch, đường, tinh bột bắp, dextrose, bột gạo, bột nếp, fructose syrup, muối, tinh bột biến tính (1414), đường, bột kem thực vật (glucose syrup, dầu thực vật, chiết xuất mầm lúa mạch, protein sữa, chất ổn định (340ii, 452i)), chất nhũ hóa (471, 472e), chất chống đông vón (551), hỗn hợp canxi và khoáng chất từ sữa 1,8%.

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ ngũ cốc chứa gluten, đậu nành, sữa.

Sản xuất theo số TCCS 05:2018/BH106

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm không quá 5%

**Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa**  
 Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
 Tư vấn khách hàng: 1800 6068  
 Sản xuất tại Việt Nam



**NSX:** xem trên bao bì  
**Sử dụng tốt nhất trước:** 12 tháng kể từ NSX

MÃ KIỂM SOÁT AW
BNTU00372.05.2018.BH106
PHIÊN BẢN
5
NGÀY HOÀN THÀNH
16.08.18

**5 DƯỠNG CHẤT**  
**CANXI**  
**CHẤT ĐẠM**  
**CHẤT XƠ**  
**PHOTPHO**  
**CARBOHYDRATE**



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g	Mức đáp ứng RNI, % (***)
Năng lượng	444,5 kcal
Chất đạm	4,6 g
Carbohydrate	78,4 g
Chất béo	12,5 g
Xơ tiêu hóa	3,1 g
Photpho	383 mg
Canxi	400 mg

(\*\*):  
 - RNI: lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam  
 - Mức đáp ứng RNI: tính toán trên 100 g sản phẩm cho người trưởng thành theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014.

**Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.**  
 Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.



BNTU00372

### HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



Cho 1 gói Thực phẩm bổ sung - Ngũ cốc dinh dưỡng hàng ngày KaChi vào tách. Chấm 140 ml nước nóng. Khuấy đều trước khi dùng. Có thể dùng chung với đá. Có thể cho 2 gói tùy sở thích.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

**Khối lượng tịnh: 500 g (20 gói x 25 g)**

Sản phẩm chứa khoảng 100 mg Canxi từ sữa (\*) - là nguồn Canxi dễ hấp thu(\*\*), giúp cả gia đình bổ sung Canxi hàng ngày.

Ngoài ra, sản phẩm còn được bổ sung thêm các chất dinh dưỡng: Đạm, xơ, photpho, carbohydrate, có thể dùng thay thế bữa ăn nhẹ.

(\*) Chứa khoảng 100 mg Canxi từ sữa trong 1 gói sản phẩm

(\*\*) So với nguồn canxi từ Canxi carbonate





